

Số: /CCKL-TCHC

Bình Định, ngày tháng 8 năm 2022

V/v xây dựng dự toán NSNN  
năm 2023 và kế hoạch tài chính  
NSNN 03 năm 2023-2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định

Thực hiện Công văn số 1999/SNN-KHTH ngày 08/8/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định về việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch tài chính NSNN 03 năm 2023-2025.

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;

Chi cục Kiểm lâm xây dựng dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính 03 năm 2023-2025, cụ thể như sau:

## **I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022**

### **1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN**

- a) Thu từ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng:
- Tiền phạt 6 tháng đầu năm: 405 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 01 tỷ đồng.
  - Tiền bán phương tiện, lâm sản bị tịch thu 6 tháng đầu năm: 570 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 02 tỷ đồng.

Tổng thu xử lý vi phạm hành chính ước thực hiện năm 2022 là 03 tỷ đồng (năm 2021 tổng thu gần 2,2 tỷ đồng). Tiền thu này, sau khi trích lại chi phí thực tế xử lý vụ việc, số còn lại nộp 100% cho ngân sách nhà nước.

b) Thu phí trong lĩnh vực lâm nghiệp và công trình lâm sinh.

- Thu phí: Áp dụng Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; và Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định (bổ sung).

Phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp 6 tháng đầu năm: 15 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 30 triệu đồng.

- Số nộp ngân sách 6 tháng đầu năm: 3 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 6 triệu đồng.

- Số thu được để lại theo quy định 6 tháng đầu năm: 12 triệu đồng; ước thực hiện cả năm 24 triệu đồng.

Qua tình hình thực hiện thu phí năm 2022, kết quả thu phí thấp so với kế hoạch giao; bởi vì thay đổi chính sách, một số nhiệm vụ vẫn thực hiện nhưng không còn thu phí nữa. Kinh phí trích để lại đơn vị một năm rất ít, không đủ chi phí trực tiếp phục vụ công tác thu phí.

## **2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSNN**

*a) Tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2022:*

- Từ đầu năm 2022 sau khi tiếp nhận Dự toán thu, chi NSNN của Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục đã phân bổ, giao dự toán chi cho 10 hạt kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR) và cơ quan Chi cục Kiểm lâm theo nội dung và nhiệm vụ chi đúng qui định. Trong 6 tháng đầu năm, các đơn vị rút dự toán ngân sách của từng loại kinh phí sử dụng đúng mục đích, theo nhiệm vụ chi được giao; có tác dụng tích cực thúc đẩy thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ bảo vệ rừng, sử dụng rừng và PCCCR 06 tháng đầu năm và luôn bảo đảm cho bộ máy lực lượng kiểm lâm hoạt động thường xuyên có hiệu quả. Dự kiến cả năm 2022, Chi cục Kiểm lâm thực hiện hoàn thành dự toán ngân sách theo nhiệm vụ chi được giao.

- Qua hoạt động tài chính 06 tháng đầu năm 2022, Chi cục Kiểm lâm nhận thấy còn một số khó khăn, vướng mắc như: Kinh phí chi hành chính được giao theo định mức như những đơn vị hành chính khác, trong lúc kiểm lâm là đơn vị đặc thù phải thường xuyên tổ chức tuần tra, truy quét các đối tượng chặt, phá rừng, phần lớn thời gian làm việc ngoài giờ kể cả thứ 7 và chủ nhật, ...

*b) Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ nguồn chi thường xuyên năm 2022:*

Tất cả các nhiệm vụ nguồn kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, dự kiến đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chi của năm 2022.

*c) Tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ*

Từ đầu năm, các đơn vị trực thuộc đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị; qua đó công chức, người lao động lực lượng Kiểm lâm chủ động trong công tác chuyên môn, hoàn thành tốt nhiệm vụ; đồng thời nêu cao tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng điện, nước, xăng xe và hội nghị, thực hiện đúng qui định tại qui chế chi tiêu nội bộ cơ quan, góp phần tạo được kinh phí tiết kiệm tăng thêm thu nhập cho người lao động.

## **II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NĂM 2023**

Dự toán NSNN năm 2023 được xây dựng đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật về thu, chi ngân sách; đáp ứng các nhiệm vụ chính trị từng lĩnh vực chi của đơn vị, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban

hành, nhất là các chính sách chi cho con người trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Dự toán năm 2023, như sau:

### 1. Dự toán thu

Căn cứ tình hình thực tế thu phí 06 tháng đầu năm 2022, ước tính số thu phí đã nêu trên và tình hình dịch bệnh covid 19 kéo dài. Hiện nay, đơn vị không còn nội dung thu phí thâm định lâm sinh và một số nhiệm vụ lĩnh vực lâm nghiệp thực hiện nhưng không thu phí; Chi cục Kiểm lâm lập dự toán thu phí năm 2023, như sau:

a) Số thu:

TT	Tên loại phí, lệ phí	Văn bản quy định về phí	Dự toán thu		
		Quyết định của HĐND tỉnh	Mức thu phí, lệ phí	Số lượng	Thành tiền (Trđồng)
1	Bình tuyển, công nhận cây đầu dòng	Quyết định 41/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017	1.000.000 đồng/01 giống	30	30
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>30</b>

b) Số được để lại chi theo chế độ quy định tại Quyết định số 4551/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định: 24 triệu đồng (30 trđ x 80%); trong đó:

- Khoản chi hoạt động 66%: 15 triệu đồng (24 trđ x 66%)
- Không khoản chi 34%: 9 triệu đồng (24 trđ x 34%)

c) Số nộp NSNN: 6 triệu đồng.

### 3. Dự toán chi

a) Dự toán chi NSNN năm 2023 đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng đối tượng, phạm vi sử dụng đối với từng nguồn kinh phí. Dự toán các nhiệm vụ chi không tăng so với dự toán Sở Nông nghiệp và PTNT đã giao năm 2022. Các nhiệm vụ chi của đơn vị triển khai trong năm 2022:

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động Đảng;
- Bồi dưỡng thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg;
- Trang phục Kiểm lâm;
- Kinh phí phục vụ xử phạt VPHC theo Thông tư 153/2013/TT-BTC;
- Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản;
- Kinh phí phục vụ Ban chỉ đạo Bảo vệ và Phát triển rừng;
- Kinh phí truy quét chốt chặn bảo vệ rừng;
- KP trang bị thiết bị ghi âm, ghi hình phục vụ công tác điều tra;
- Nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng;

- Nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy rừng, tuyên truyền bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp;

- Tập huấn nghiệp vụ Kiểm lâm.

**b) Nội dung và mẫu biểu lập Dự toán thu, chi NSNN năm 2023:**

**b.1. Kinh phí tự chủ:**

- Số biên chế năm 2023: Tạm tính bằng số biên chế được Sở Nông nghiệp và PTNT giao năm 2022 tại Quyết định số 02/QĐ-SNN ngày 04/01/2022 và Quyết định số 361/QĐ-SNN ngày 31/05/2022, là: 184 chỉ tiêu; gồm 172 chỉ tiêu biên chế hành chính và 12 chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định 68/CP (11 lái xe 10 hạt Kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR và 01 bảo vệ cơ quan Chi cục). Trong đó: Biên chế hành chính thực có mặt đến thời điểm ngày 01/7/2022 là 160 người, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu năm 2023 là 12 người.

Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2023, tính mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng); bao gồm: Quỹ lương của số biên chế có mặt tính đến thời điểm ngày 01/7/2022, xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển, xác định hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 (2,34), các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định.

- Kinh phí chi thường xuyên theo định mức: Xây dựng theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương qui định tại Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định.

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-SNN ngày 04/01/2022 và Quyết định số 361/QĐ-SNN ngày 31/05/2022 về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc hợp đồng lao động năm 2022; theo đó, định mức chi biên chế hành chính năm 2023 như sau:

+ Cơ quan Chi cục (26) và Hạt Kiểm lâm huyện An Lão (21) là 34 triệu đồng/biên chế/năm;

+ Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR và 05 hạt kiểm lâm: An Nhơn (7), Hoài Nhơn (7), Phù Cát (10), Phù Mỹ (10), liên huyện Tuy Phước – TP.Quy Nhơn (10) là 37 triệu đồng/biên chế/năm;

+ 04 hạt kiểm lâm: Hoài Ân (17), Tây Sơn (14), Vân Canh (20), Vĩnh Thạnh (20) là 36 triệu đồng/biên chế/năm.

- Dự toán kinh phí chi thường xuyên:

+ Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản theo lương (bao gồm phụ cấp, trợ cấp theo Nghị định 76/CP): 26.106 triệu đồng

- Chi thường xuyên theo định mức: 6.152 triệu đồng

**Cộng: 32.258 triệu đồng**

(Có danh sách công chức, hợp đồng 68 ngày 01/7/2022 và các phụ lục 1, 3, 4 kèm theo).

***b.2. Kinh phí không tự chủ, chi đặc thù của ngành:***

Trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của ngành và dự toán đã được giao các năm trước; dự toán chi không tự chủ năm 2023 là: **11.713 triệu đồng** (Có dự toán, bảng thuyết minh chi tiết dự toán chi nghiệp vụ chuyên môn năm 2023 và các mẫu biểu kèm theo)

***b.3. Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023*** (lấy b.1 + b.2): **43.971 triệu đồng**; Bằng chữ: Bốn mươi ba tỷ, chín trăm bảy mươi một triệu đồng.

(Kèm theo mẫu số 5, 7, 14, 15.1 và các phụ lục 2, 5, 7, 8, 9, 10, 11).

**B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2023 – 2025**

Qua rà soát các công trình, Chi cục Kiểm lâm xây dựng kế hoạch tài chính NSNN 03 năm 2023-2025, cụ thể như sau:

1. Nhu cầu Dự toán năm 2023: 3.000 triệu đồng (xây dựng mới 01 công trình).

2. Dự kiến kế hoạch vốn năm 2023-2025: 4.000 triệu đồng (trả nợ xây dựng công trình năm 2023).

(kèm theo Biểu số 13, 14, 16, 17 và 19)

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp vào Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch tài chính 03 năm 2023-2025 theo nội dung trên, để đảm bảo kinh phí Chi cục Kiểm lâm triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ được giao ./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Đức Sáu**

**BẢNG THUYẾT MINH CHI TIẾT**  
**DỰ TOÁN CHI NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN CỦA NGÀNH NĂM 2023**  
*(Kèm theo Công văn số: /CCKL-TCHC ngày / 8/ 2022)*

**1. Nghiệp vụ hoạt động quản lý, bảo vệ rừng (Chi hoạt động hợp đồng 40 kiểm lâm địa bàn).**

**a) Căn cứ lập dự toán:**

- Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 08/5/2008 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực kiểm lâm địa bàn xã của lực lượng kiểm lâm tỉnh Bình Định đến năm 2010.

- Quyết định số 06/QĐ-CTUBND ngày 05/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc tiếp tục hợp đồng kiểm lâm địa bàn xã theo Đề án Nâng cao năng lực kiểm lâm địa bàn của lực lượng kiểm lâm tỉnh.

- Văn bản số 2410/UBND-NC ngày 29/6/2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc bổ sung số lượng hợp đồng kiểm lâm địa bàn xã.

- Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

**b) Dự toán: 3.795 triệu đồng**

- Quỹ tiền lương xác định trên cơ sở mức lương tương đương ngạch, bậc công chức kiểm lâm, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định bao gồm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; được tính mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng), dự toán là **2.815 triệu đồng**; trong đó:

+ Lao động hợp đồng có mặt ngày 01/7/2022, 31 người: 2.356 triệu đồng (có mẫu 02 danh sách lương hợp đồng kiểm lâm địa bàn kèm theo, tính nâng lương);

+ Lao động hợp đồng còn thiếu 09 người: 459 triệu đồng (51 triệu đồng x 09 người); vận dụng hệ số lương 2,34 trích nộp BHXH, YT, TN và KPCĐ 23,5% nhân 1,49 triệu đồng; tính cho 12 tháng bằng 51,671 triệu đồng/người, làm tròn số 51 triệu đồng (tương đương định mức biên chế chưa tuyển).

- Kinh phí chi thường xuyên theo định mức: Áp dụng định mức biên chế sự nghiệp qui định tại Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; định mức 25 triệu/người/năm, dự toán là **1.000 triệu đồng** (25 triệu x 40 người).

**Cộng: 3.815 triệu đồng.**

**2. Kinh phí hoạt động cơ sở Đảng của 10 chi bộ các hạt kiểm lâm:** Hỗ trợ kinh phí 10 chi bộ hạt kiểm lâm và 01 đảng bộ bộ phận Chi cục Kiểm lâm; phụ cấp cấp ủy, tiền báo đảng, là: **254 triệu đồng** (có phụ lục 11 kèm theo)

**3. Trang phục Kiểm lâm**

Căn cứ Quy định tại Điểm b, khoản 3, Điều 12 của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Dự toán: **1.012 triệu đồng** (có phụ lục 5 và danh sách chế độ trang phục năm 2023 kèm theo).

#### **4. Chi hoạt động liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính**

##### **a) Căn cứ lập dự toán:**

- Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013 của Bộ Tài chính Quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của lực lượng xử phạt vi phạm hành chính.

- Thông tư số 16/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết một số điều của Quyết định số 20/2016/QĐ-TTg ngày 11/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí quản lý, xử lý tài sản bị tịch thu theo quy định pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

- Số thu nộp ngân sách từ tiền xử lý vi phạm hành chính năm 2021, ước thu ngân sách năm 2022 và dự kiến khả năng thực hiện năm 2023 của các đơn vị trực thuộc, cụ thể như sau:

- + Đã thu năm 2021: Gần 2,2 tỷ đồng.
- + Ước thực hiện thu năm 2022: 03 tỷ đồng.
- + Dự kiến thu năm 2023: 03 tỷ đồng

**b) Dự toán kinh phí** cho cơ quan Chi cục (vụ việc vượt thẩm quyền xử lý của Hạt, Đội KLCĐ) 10 hạt kiểm lâm và Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR (11 đơn vị): **1.500 triệu đồng**

*Trong đó:*

- |   |                |
|---|----------------|
| - Công tác phí trong và ngoài tỉnh:         | 150 triệu đồng |
| - Mua sắm trang thiết bị:                   | 100.triệu đồng |
| - Sửa chữa công cụ, dụng cụ, phương tiện:   | 100.triệu đồng |
| - Xăng xe đi công tác, kiểm tra, truy quét: | 350.triệu đồng |
| - Chi phí mua tin:                          | 400.triệu đồng |
| - Thông tin liên lạc:                       | 50.triệu đồng  |
| - Văn phòng phẩm:                           | 50.triệu đồng  |
| - In ấn tài liệu, ấn phẩm truyền thông:     | 50.triệu đồng  |
| - Hội nghị sơ kết, tổng kết:                | 50.triệu đồng  |
| - Khen thưởng cho tập thể, cá nhân:         | 50.triệu đồng  |
| - Bồi dưỡng làm đêm thêm giờ:               | 150.triệu đồng |

#### **5. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp tỉnh Bình Định**

##### **a) Căn cứ lập dự toán:**

- Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày

16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020; và Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc thành lập Ban Chỉ đạo về Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 – 2020; và Công văn số 5004/BNN-TCLN ngày 09/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc triển khai xây dựng báo cáo khả thi Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.

**b) Dự toán: 100 triệu đồng**

- Bồi dưỡng các thành viên tham gia kiểm tra, truy quét ngăn chặn tình trạng phá rừng trái pháp luật: 70.000 đồng x 10 người x 50 ngày = 35 triệu đồng

- Chi tiền ăn thêm các lực lượng trực tiếp ngăn chặn tình trạng phá rừng trái pháp luật: 50.000 đồng x 10 người x 50 ngày = 25 triệu đồng

- Thuê phương tiện vận chuyển: 02 triệu đồng/đợt x 10 đợt = 20 triệu đồng

- Xăng dầu ô tô, mô tô: 05 triệu đồng/đợt x 04 đợt = 20 triệu đồng

**6. Bồi dưỡng thanh tra: 20 triệu đồng**

Bồi dưỡng đối với công chức thanh tra những ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ thanh tra là 80.000 đồng/ngày, theo quy định tại Quyết định 12/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ; và tiếp công dân theo quy định.

**7. Kinh phí chốt chặn, truy quét bảo vệ rừng.**

**a) Căn cứ lập dự toán:**

Thực hiện Công văn số 4918/UBND-TH ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc chủ trương lập các chốt chặn của lực lượng kiểm lâm, các trạm, chốt quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn các huyện trong tỉnh; và Công văn số 773/UBND-KT ngày 14/02/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc chủ trương duy trì hoạt động các Trạm kiểm tra, kiểm soát lâm sản trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Số lượng chốt chặn, trạm bảo vệ rừng: 32 chốt, trạm (Công văn số 4918/UBND-TH là 25 chốt, trạm và Công văn số 773/UBND-KT là 11 chốt); bao gồm:

+ Chốt chặn của lực lượng kiểm lâm: **17 chốt**. Trong đó:

\* Huyện Hoài Ân 03 chốt (01 Nghĩa Điền, xã Ân Nghĩa; 01 Thôn T2, xã Bok Tới; Đắc Mang).

**Bổ sung** 01 chốt: Thôn T1, Bók Tới

**Tổng cộng 4 chốt**

\* Huyện Tây Sơn 03 chốt (01 Bến Thò Đo, Làng Cam, xã Tây Xuân; 01 Vực Cây Cày, khu du lịch Hầm Hồ, xã Tây Phú; và 01 Đập Thò Đo, thôn Nam Giang, xã Tây Giang).

**Bổ sung** 01 chốt: Làng Kon Mon, xã Vĩnh An

**Tổng cộng 4 chốt**

\* Huyện An Lão 03 chốt (01 Dốc Muôi, Km 11, xã An Nghĩa; **01 An Trung, thôn 5, xã An Trung (bãi bỏ CV 7576)**; 01 An Hưng, thôn 4, xã An Hưng; và 01 Hồ Sông Vồ, thôn 2, thị trấn An Lão).

**Bổ sung** 05 chốt: Thôn 2, An Vinh; Thôn 3, An Trung; 01 chốt Tiểu khu 6 và 01 chốt Thôn 3, An Hưng; Thôn 2, An Quang.

**Tổng cộng 8 chốt**

\* Huyện Vân Canh 01 chốt tại khoảnh 3, tiểu khu 377A, xã Canh Thuận.

+ Chốt, trạm chốt bảo vệ rừng của các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và công ty lâm nghiệp: **15 chốt, trạm**. Trong đó:

\* Huyện Vân Canh **02 chốt** (01 Làng Canh Tiến, xã Canh Liên; và 01 Đèo Nha Sam, xã Canh Hiệp).

\* **Huyện Tây Sơn 02 chốt; gồm: 01 Tây Giang, thôn Nam Giang, xã Tây Giang; và 01 Tây Phú, thôn Phú Lâm, xã Tây Phú (bãi bỏ CV 7576)**

\* Huyện Hoài Nhơn **01 trạm** bảo vệ rừng Dự án JICA2 tại tiểu khu 10, xã Hoài Sơn.

\* Huyện Vĩnh Thạnh **06 chốt, trạm** (01 trạm Dự án JICA2 xã Vĩnh Kim; 01 trạm Hang Hũ, thị trấn Vĩnh Thạnh; **01 chốt K11, xã Vĩnh Hảo (bãi bỏ)**; 01 chốt Tây – Nam Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Thuận; 01 văn phòng Lò Than, tuyến đường ĐT 637, xã Vĩnh Hảo; 01 trạm Nước Poon, xã Vĩnh Thuận; và 01 trạm Suối Cát, trên đường ĐT 637 xã Vĩnh Sơn).

**Bổ sung** 04 chốt: **01 Bờ Đập Hồ Định Bình (bãi bỏ CV 7576)**; 01 Tổ 01 (hồ B) của BQL; 01 Đák Hlu của Cty; 01 Kon Trú của BQL; 01 TK 144 của Cty.

**Tổng cộng 10 chốt**

\* Huyện An Lão **02 trạm** (01 trạm quản lý bảo vệ rừng An Toàn I, thôn 1; và 01 trạm quản lý bảo vệ rừng An Toàn II, thôn 2, thuộc Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn).

- Thành phần tham gia mỗi chốt, trạm: 05 người; gồm có kiểm lâm 01 người, ban quản lý rừng 01 người, lâm nghiệp xã 01 người, công an 01 người và dân quân tự vệ 01 người;

- Số lượng người: 160 người (01 người/chốt, trạm x 32 chốt, trạm);

- Thời gian: tạm tính 90 ngày, tính 03 tháng trong năm 2021

**b) Dự toán: 1.068 triệu đồng** (có phụ lục 10, dự toán chi tiết kèm theo).

**8. Nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy rừng, tuyên truyền bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến rừng và đất qui hoạch phát triển rừng.**

**a) Căn cứ lập dự toán:**

- Phòng cháy chữa cháy rừng: Áp dụng Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Tuyên truyền công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng: Áp dụng quy định tại Thông tư liên tịch số 61/2007/TTLT-BNN-BTC ngày 22/6/2007 của Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT – Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động cơ quan Kiểm lâm các cấp.

- Theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng: Thực hiện theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

**b) Dự toán: 1.645 triệu đồng; trong đó:**

**- Phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR): 370 triệu đồng**, bao gồm:

+ Tập huấn PCCCR: 50 triệu đồng

+ Mua sắm thiết bị PCCCR: 70 triệu đồng

+ Nhiên liệu phục vụ PCCCR: 100 triệu đồng

+ Sửa chữa, bồi thường thiệt hại phương tiện chữa cháy: 50 triệu đồng

+ Chi phụ cấp làm ngoài giờ trực PCCCR các ngày nghỉ (thứ 7 và chủ nhật) trong mùa cao điểm cháy rừng: 100 triệu đồng.

**- Tuyên truyền công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng: 480 triệu đồng**

+ Chi công tác tuyên truyền giáo dục: 170 triệu đồng

\* Văn phòng Chi cục : 60 triệu đồng

\* Các hạt kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR:

10 triệu đồng x 11 đơn vị = 110 triệu đồng

+ Xây dựng, tu sửa panô tuyên truyền, bảng qui ước: 310 triệu đồng

\* Pa nô loại lớn (4m x 6m) : 50 trđồng x 02 bảng = 100 triệu đồng

\* Sửa chữa Panô loại nhỏ (3m x 4m): 25 trđồng x 06 bảng = 150 tr đồng

\* Bảng qui ước bảo vệ rừng, cấp dự báo cháy rừng: 20 tr đồng x 03 bảng = 60 triệu đồng

**- Theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng: 795 trđ**

+ Chi ngoại nghiệp : 363 triệu đồng

+ Chi nội nghiệp : 250 triệu đồng

+ Chi chung: 182 triệu đồng

(có dự toán chi tiết kèm theo)

**DỰ TOÁN CHI TIẾT**  
**Theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng**

T T	Nội dung	Mục/văn bản áp dụng	Số lượng	Đơn vị tính	Định mức (công)	Số công	Hệ số lương	Đơn giá (mức lương cơ sở 1.490.000 đồng)	Thành tiền	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Ngoại nghiệp</b>					<b>1344</b>			<b>363.191.564</b>	<b>Làm tròn 363 tr</b>
1.1	Chuyển quân, điều tra khoanh vẽ ngoại nghiệp và rút quân ngoại nghiệp (1 công/người x 112 người/136 xã x 12 tháng = 1344 công)	16-690/QĐ-BNN		Người	1C/ người	1344	3,99	270.095	363.191.564	
<b>2</b>	<b>Nội nghiệp</b>					<b>558,5</b>			<b>500.613.568</b>	<b>Tính 50% khối lượng, Làm tròn 250 tr</b>
2.1	Xử lý số liệu hiện trạng rừng cấp xã (11 huyện x 7,5 công/huyện = 82,5 công)	64-690/QĐ-BNN		Huyện	7,5 C/huyện	82,5	3	203.182	16.762.500	
2.2	Biên tập và in bản đồ trong phòng cấp xã tỷ lệ 1/25.000 phục vụ điều tra, khảo sát ngoại nghiệp (136 xã x 2 công/xã = 272 công)	25-690/QĐ-BNN		Xã	2C/xã	272	2,67	180.832	49.186.255	
2.3	Tổng hợp số liệu hiện trạng rừng cấp huyện (11 huyện x 2 công/huyện = 22 công)	65-690/QĐ-BNN		Huyện	2C/huyện	22	3	203.182	4.470.000	
2.4	Phân tích, đánh giá biến động về diện tích rừng và đất lâm nghiệp cấp huyện (11 huyện x 10 công/huyện = 110 công)	71-690/QĐ-BNN		Huyện	10 C/huyện	110	4,65	314.932	34.642.500	
2.5	Hiệu chỉnh sau kiểm tra thực địa, biên tập, trình bày bản đồ hiện trạng rừng cấp xã 1/25.000 (136 huyện x 15 công/huyện = 2040 công) tính *50% định mức	28-690/QĐ-BNN		Xã	2C/xã	1020	3,63	245.850	250.767.000	
2.6	Biên tập, trình bày bản đồ hiện trạng rừng cấp huyện (11 huyện x 14 công/huyện = 154 công)	69-690/QĐ-BNN		Huyện	14C/huyện	154	3,33	225.532	34.731.900	

2.7	Kiểm tra, lưu trữ bản đồ cấp huyện (11 huyện x 25 công/huyện = 275 công)	70-690/QĐ-BNN		Huyện	25C/huyện	275	4,65	314.932	86.606.250	
2.8	Tổng hợp số liệu hiện trạng rừng cấp tỉnh	73-690/QĐ-BNN		Tỉnh	2C/tỉnh	2	3,33	225.532	451.064	
2.9	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo	45-690/QĐ-BNN		Tỉnh	22C/tỉnh	22	4,65	314.932	6.928.500	
2.10	Viết báo cáo thuyết minh kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp cấp tỉnh	46-690/QĐ-BNN		BC	40 C/BC	40	4,65	314.932	12.597.273	
2.11	Biên tập, trình bày bản đồ hiện trạng rừng cấp tỉnh (14 công/tỉnh)	76-690/QĐ-BNN		Tỉnh	14 C/tỉnh	14	3,66	247.882	3.470.345	
<b>3</b>	<b>Chi phí chung, tổ chức hội nghị</b>								<b>181.650.000</b>	<b>Làm tròn 182 tr</b>
<b>a</b>	<b>Chi phí chung</b>								<b>168.000.000</b>	
	- Văn phòng phẩm (mực in màu, giấy khổ A0 ...):								6.500.000	
	- Máy In Màu A 0 HP Designjet T2500 (Photocopy + In + Scan A0 A1 A2 A3 A4): 146.800.000 đồng (bao gồm thuế VAT) hoặc tương đương, link ( <a href="https://anhsaoviet.net/may-in-a1-hp-designjet-t2300-mfp/">https://anhsaoviet.net/may-in-a1-hp-designjet-t2300-mfp/</a> )		01	Máy					161.500.000	
<b>b</b>	<b>Tổ chức hội nghị</b>								<b>13.650.000</b>	
<b>b.1</b>	<b>Hội nghị cấp huyện (11 lần)</b>								<b>12.600.000</b>	
	- Nước uống giữa giờ	72/QĐ-UBND		Người	40.000 đồng/người	180			7.200.000	
	- Tài liệu	72/QĐ-UBND		Bộ	30.000 đồng/bộ	180			5.400.000	
<b>b.2</b>	<b>Hội nghị cấp tỉnh (1 lần)</b>								<b>1.050.000</b>	
	Nước uống giữa giờ	72/QĐ-UBND		Người	40.000 đồng/người	15			600.000	
	Tài liệu	72/QĐ-UBND		Bộ	30.000 đồng/bộ	15			450.000	

## **9. Trang bị thiết bị ghi âm, ghi hình phục vụ công tác điều tra:**

### **a) Căn cứ lập dự toán:**

- Quyết định số 1172/QĐ-TTg ngày 11/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án về cơ sở vật chất, bộ máy, cán bộ và lộ trình thực hiện việc ghi âm, ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Quyết định số 5475/QĐ-BNN-TCLN ngày 31/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt Dự án “Trang bị ghi âm, ghi hình có âm thanh trong điều tra hình sự của cơ quan Kiểm lâm, Kiểm ngư theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự”.

- Công văn số 79/BNN-TCLN ngày 07/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Công văn số 6592/UBND-KT ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh về việc chủ trương trang bị các trang thiết bị ghi âm, ghi hình có âm thanh để thực hiện hoạt động điều tra hình sự trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Công văn số 1375/SNN-TTr ngày 08/6/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định về việc thực hiện ghi âm, ghi hình có âm thanh theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

**b) Dự toán: 906 triệu đồng;** trang bị Hạt Kiểm lâm huyện An Lão và Tây Sơn (có phụ lục 9 kèm theo).

## **10. Mua sắm, sửa chữa tài sản**

### **10.1. Bảo trì, sửa chữa tài sản:**

#### **a) Căn cứ lập dự toán:**

- Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính về việc quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

- Công văn số 2676/STC-TCHCSN ngày 06/9/2021 của Sở Tài chính về việc thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng tài sản công theo quy định tại Thông tư 65/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính .

**b) Dự toán: 1.000 triệu đồng.** Sửa chữa Trụ sở làm việc Hạt Kiểm lâm huyện An Lão và Hạt Kiểm lâm huyện Hoài Ân, mỗi đơn vị 500 triệu đồng (có phụ lục 7 kèm theo).

### **10.2. Mua sắm tài sản:**

#### **a) Căn cứ lập dự toán:**

Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

**b) Dự toán: 270 triệu đồng;** trang cấp máy vi tính còn thiếu theo quy định và thay thế máy vi tính cũ hiện không sử dụng được (có phụ lục 8 kèm theo).

**Cộng (lấy 10.1 + 10.2): 1.270 triệu đồng**

**11. Tập huấn nghiệp vụ chuyên môn** cho công chức, hợp đồng kiểm lâm phụ trách địa là **120 triệu đồng**; cụ thể như sau:

a) Lớp thứ nhất: Tập huấn nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng và nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy rừng (02 đợt).

- Căn cứ mở lớp: Các văn bản qui phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; biện pháp, kỹ thuật chữa cháy rừng.

- Nội dung tập huấn: Tập huấn nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng và nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy rừng; khoảng 600 người.

- Địa điểm tập huấn: Tại huyện Qui Nhơn và huyện Phù Mỹ.

- Thành phần tham dự: Các công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng các huyện, tổ đội phòng chống cháy rừng, các hạt kiểm lâm và Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR, ...

- Thời gian tập huấn: 3 ngày/đợt, dự kiến trong tháng 4 và tháng 5/2022.

- Kinh phí:

+ Tiền thuê hội trường, khẩu hiệu:

03 ngày x 02 đợt x 1.500.000 đồng = 9.000.000 đồng

+ Tiền nước uống: 03 ngày x 15.000 x 600 người = 27.000.000 đồng

+ In ấn tài liệu: 600 tập x 30.000 đồng = 18.000.000 đồng

+ Bồi dưỡng giảng viên:

03 ngày x 02 đợt x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng

**Cộng : 60.000.000 đồng**

b) Lớp thứ hai: Tập huấn kiểm lâm địa bàn và bồi dưỡng, tập huấn công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (02 đợt)

- Căn cứ mở lớp: Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật về công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; và theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng.

- Nội dung tập huấn: Tập huấn Kiểm lâm địa bàn trong công tác theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng, công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; khoảng 140 người.

- Địa điểm tập huấn: Tại huyện Tuy Phước và huyện Hoài Ân

- Thành phần tham dự: Công chức kiểm lâm, lãnh đạo các hạt, Đội Kiểm lâm cơ động, các doanh nghiệp có ngành nghề về lâm sản, ...

- Thời gian tập huấn: 3 ngày/đợt, dự kiến trong tháng 8 và 9/2022.

- Kinh phí:

+ Tiền thuê hội trường, khẩu hiệu:

03 ngày x 02 đợt x 1.500.000 đồng = 9.000.000 đồng

+ Tiền nước uống: 03 ngày x 15.000 x 600 người = 27.000.000 đồng

+ In ấn tài liệu: 600 tập x 30.000 đồng = 18.000.000 đồng

+ Bồi dưỡng giảng viên:

03 ngày x 02 đợt x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng

**Cộng : 60.000.000 đồng**